

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTG ngày tháng năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)

### **Tên chương trình: CỬ NHÂN KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tên ngành đào tạo : KẾ TOÁN Mã số: 52340301

Tên chuyên ngành : KẾ TOÁN TỔNG HỢP Mã số: 5234030101

Trình độ đào tạo : Đại học

Hình thức đào tạo : Chính quy

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân kế toán nắm vững quy trình công nghệ kế toán và có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, khoa học tự nhiên, quản trị kinh doanh và kiểm toán. Sinh viên tốt nghiệp có năng lực, kỹ năng, phẩm chất phù hợp để làm công tác chuyên môn về kế toán tại các doanh nghiệp, các cơ quan ban ngành có hiệu quả và khoa học.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi học xong chương trình này, người tốt nghiệp đạt được:

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công tác kế toán trong các doanh nghiệp và các cơ quan hành chính – sự nghiệp;
- Hiểu biết, vận dụng và cập nhật các văn bản, chế độ chính sách có liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán do Bộ tài chính và Nhà Nước ban hành;
- Lập kế hoạch kinh doanh, đọc và phân tích báo cáo tài chính ... ;
- Kiến thức trong kế toán quản trị doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý đưa ra các quyết định nhằm có lợi nhất cho doanh nghiệp.

##### **1.2.2. Kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp**

- *Kỹ năng cứng:*
  - + Làm kế toán cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các cơ quan Hành chính – Sự nghiệp.
  - + Lập báo cáo thuế và quyết toán thuế cho các đơn vị.
  - + Kiểm toán nội bộ cho các doanh nghiệp và các cơ quan Ban ngành;
  - + Hoạch định chính sách, phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp;
  - + Sử dụng kỹ năng của kế toán quản trị trong việc quản trị của doanh nghiệp.
  - + Đọc, hiểu và vận dụng các văn bản, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành vào công tác kế toán, kiểm toán tại các đơn vị.
- *Kỹ năng mềm:*
  - + Biết cách giải quyết vấn đề một cách khoa học;
  - + Có khả năng thương thuyết với khách hàng, đối tác trong kinh doanh;
  - + Có khả năng tổ chức, điều hành và làm việc nhóm, ....

\* *Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp*

- Có thể đảm nhiệm các vị trí kế toán viên, kế toán tổng hợp, kiểm toán viên, kế toán trưởng và quản lý trong doanh nghiệp và các đơn vị hành chính – sự nghiệp;
- Có khả năng tự thành lập và điều hành doanh nghiệp.

\* *Về khả năng học tập, nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp*

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học lên các chương trình đào tạo sau đại học.

### 1.2.3. Phẩm chất đạo đức, thái độ nghề nghiệp

- Phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh, lương tâm nghề nghiệp, sức khoẻ tốt;
- Lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp;
- Ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

### 2. Thời gian đào tạo theo thiết kế: 4 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **168**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **133**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

### 4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT hay tương đương.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo và công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

### 6. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

### 7. Nội dung chương trình

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ /HPHT+
		LT	TH1	TH2	TT	ĐA	TS	TLTT	
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							10	10	
00012	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	22	8				2	2	
00113	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	32	13				3	3	00012+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20	10				2	2	00013+
03013	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	29	16				3	3	03212+
7.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							8	6	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
15362	Kỹ năng giao tiếp	20	10				2	2	
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									

65012	Lịch sử các học thuyết kinh tế	30					2	2	
15302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	15	15				2		
7.1.3. Ngoại ngữ							28	14	
Chọn 1 trong 2 nhóm học phần (mỗi nhóm 14 TC)									
Nhóm 1									
07943	English 1	45					3	14	
07953	English 2	45					3		07943
07984	English 3	60					4		07953
07994	English 4	60					4		07984
07093	Tiếng Hàn 1	45					3	14	
07103	Tiếng Hàn 2	45					3		07093
07114	Tiếng Hàn 3	60					4		07103
07124	Tiếng Hàn 4	60					4		07114
7.1.4. Toán - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường							15	15	
08123D	Toán cao cấp C1	45					3	3	
08132D	Toán cao cấp C2	30					2	2	
08733D	Xác suất - Thống kê A	45					3	3	08123D+
08802D	Quy hoạch tuyến tính	30					2	2	08132D+
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3	3	
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
7.1.5. Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng (*)									
7.1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12421	Võ Vovinam 1			30			1		12371+
12761	Võ Teakwondo 1			30			1		12371+
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12471	Võ Vovinam 2			30			1		12421+
12771	Võ Taekwondo 2			30			1		12761+
7.1.5.2. Giáo dục quốc phòng							8	8	
12923	Giáo dục Quốc phòng I B	45					3	3	
12932	Giáo dục Quốc phòng II B	30					2	2	
12943	Giáo dục Quốc phòng III B	15		60			3	3	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							61	45	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
7.2.1. Kiến thức cơ sở							27	25	
66043	Kinh tế vi mô	30	15				3	3	
66063	Kinh tế vĩ mô	30	15				3	3	66043+

70013	Marketing căn bản	30	15				3	3	
68063	Nguyên lý kế toán	30	15				3	3	
67003	Quản trị học	30	15				3	3	
71073	Luật thương mại	30	15				3	3	71012+
66093	Kinh tế lượng	30		30			3	3	08132D+
<b>Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 4 TC)</b>									
69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	30					2	4	
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	20	10				2		08733D+
66102	Kinh tế quốc tế	20	10				2		
<b>7.2.2. Kiến thức ngành</b>							<b>52</b>	<b>45</b>	
68013	Thuế	30	15				3	3	
68083	Kế toán tài chính 1	30	15				3	3	68063+
68093	Kế toán tài chính 2	30	15				3	3	68063+
68103	Kế toán tài chính 3	30	15				3	3	68063+
68273	Kế toán tài chính 4	30	15				3	3	68063+
68303	Kế toán tài chính 5	30	15				3	3	68273+
68133	Kế toán chi phí	45					3	3	68063+
68313	Hệ thống thông tin phần 1 (Misa)	30		30			3	3	68063+
68332	Hệ thống thông tin phần 2 (Exel)	15		30			2	2	
68113	Kế toán quản trị	30	15				3	3	
68252	Kiểm toán 1	30					2	2	68063+
68262	Kiểm toán 2	10	20				2	2	68252+
<b>Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 12 TC)</b>									
68343	Kế toán mô phỏng trong doanh nghiệp	15		60			3		68063+
68322	Kế toán ngân hàng	20	10				2	12	68063+
68412	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	20	10				2		68063+
68233	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	30	15				3		68063+
68153	Đối chiếu kế toán quốc tế	30	15				3		68063+
68142	Kế toán kho bạc	20	10				2		68063+
69092	Toán tài chính	15	15				2		
68022	Phân tích hoạt động kinh doanh	20	10				2		
<b>7.2.3. Kiến thức bổ trợ</b>							<b>18</b>	<b>12</b>	
69102	Tài chính doanh nghiệp 1	20	10				2	2	
69122	Tài chính doanh nghiệp 2	20	10				2	2	69102+
<b>Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 8 TC)</b>									
68112	Thị trường tài chính	20	10				2	8	
69112	Thị trường chứng khoán	20	10				2		
68212	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	20	10				2		
68002	Thống kê doanh nghiệp	20	10				2		68782+
67222	Quản trị sản xuất	20	10				2		
69042	Thanh toán quốc tế	20	10				2		
69302	Nghiệp vụ ngoại thương	20	10				2		
<b>7.2.4. Khóa luận tốt nghiệp</b>							<b>10</b>	<b>6</b>	

79016	Khóa luận tốt nghiệp					360	6	6	68303+
<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>									
69244	Thực tập chuyên đề tốt nghiệp				180		4		68303+
	Tích lũy đủ 2 TC trong các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chưa tích lũy							6	
<b>Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							<b>107</b>	<b>88</b>	
<b>Số tín chỉ tổng cộng: 168 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 133 TC</b>									

## 8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến (Xem Bảng - Sơ đồ đào tạo toàn khóa học)

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- *Tổ chức thực hiện chương trình*: Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- *Phương pháp giảng dạy*: Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành, tham quan thực tế, thực tập trong và ngoài tỉnh Tiền Giang. Chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Sinh viên phải tích lũy khối kiến thức Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, điểm các học phần này không tính vào trung bình chung tích lũy, dùng làm điều kiện xét tốt nghiệp.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định riêng của Trường trước đăng ký xét tốt nghiệp.

### Các ký hiệu và từ viết tắt trong nội dung chương trình:

(\*): Dấu hiệu phân biệt loại học phần điều kiện, điểm không tính vào tổng số TC

MHP (Mã học phần) : Mã số quy ước theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG, ký ngày 02/8/2007 về việc quy định Danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường ĐHTG.

LT (Lý thuyết) : Giờ giảng lý thuyết, tính theo tiết.

TH1 (Thực hành 1) : Thảo luận, giải bài tập, thực hành ở lớp học lý thuyết, tính theo tiết

TH2 (Thực hành 2) : SV nhìn GV thao tác thực hành ở lớp; phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn, tính theo tiết

TT (Thực tập) : Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường

ĐA (Đồ án) : Thực hiện đồ án, bài tập lớn, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ.

TS (Tổng số) : Số TC của học phần, của chương trình

TLTT (Tích lũy tối thiểu) : Số TC SV phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình

*HPTQ/HPHT+ (Học phần tiên quyết/ Học phần học trước):*

- *HPTQ: Học phần X là học phần tiên quyết của học phần Y thì bắt buộc SV phải học và thi kết thúc học phần X đạt từ điểm D trở lên mới được đăng ký học học phần Y*
- *HPHT+: Học phần X là học phần học trước của học phần Y thì khi đăng ký học phần Y SV phải học qua học phần X (điểm của học phần X có thể chưa đạt)*

**HIỆU TRƯỞNG**

